

## ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*VIỆT NAM - HOA KỲ*

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 92/2004/LPQT

*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2004*

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về viện trợ hàng hóa nông nghiệp theo đạo luật Lương thực và sự tiến bộ có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2004./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ  
*Phó Vụ trưởng*

**Nguyễn Hoàng Anh**

OGSM: FGR-440-2004/165-00

NƯỚC: VIỆT NAM

**HIỆP ĐỊNH giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về viện trợ hàng hóa nông nghiệp theo đạo luật Lương thực vì tiến bộ.**

**Lời mở đầu**

Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa kỳ thông qua Cơ quan Tín dụng Hàng hóa (dưới đây gọi tắt là CCC) và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Bên Điều phối) thông qua Bộ Tài chính;

Với nỗ lực sử dụng nguồn lương thực của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ để hỗ trợ cho các nước đã cam kết theo hướng áp dụng hoặc mở rộng các yếu tố kinh doanh tự do trong nền kinh tế nông nghiệp của mình thông qua các thay đổi về giá cả hàng hóa, tiếp thị, khả năng đầu vào, phân phối, và sự tham gia của khu vực tư nhân;

Nhận thấy rằng Bên Điều phối đã cam kết và đang thực hiện chính sách khuyến khích tự do kinh tế; sản xuất hàng hóa trong nước và tư nhân cho tiêu dùng trong nước; và sự hình thành và mở rộng thị trường trong nước đáp ứng được việc mua và bán các sản phẩm đó; và

Với mong muốn đưa ra những nhận thức trong viện trợ hàng hóa nông nghiệp cho Bên Điều phối đối với việc phân phối tại Việt Nam theo Đạo luật Lương thực vì tiến bộ năm 1985 được sửa đổi;

Đã thỏa thuận như sau:

**Phần I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

A. Hiệp định này dựa trên các điều khoản và điều kiện nêu tại mục 7 C.F.R phần 1499, trừ khi có quy định khác được nêu ra cụ thể trong Hiệp định này.

B. CCC đồng ý cung cấp cho Bên Điều phối các hàng hóa nông nghiệp với số lượng được quy định cụ thể tại phần II, mục I (dưới đây gọi tắt là "hàng hóa") để trợ giúp tại Việt Nam và, trong phạm vi được quy định tại Phần II, mục II và III, thanh toán chi phí vận chuyển đường biển và các chi phí khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hóa này.

C. Bên Điều phối đồng ý chỉ sử dụng các hàng hóa theo đúng Hiệp định này và theo Kế hoạch hành động được duyệt tại Phụ lục A, được đính kèm và là một phần của Hiệp định này, và sẽ không bán hoặc đổi các hàng hóa khác trừ trường hợp quy định tại Phụ lục A hoặc trường hợp cụ thể khác được CCC chấp thuận bằng văn bản.

D. Trừ khi được CCC ủy quyền, toàn

bộ việc giao nhận hàng hóa theo Hiệp định này sẽ được thực hiện trong thời gian giao hàng quy định tại Phần II, mục I.

E. CCC sẽ cố gắng cung cấp cho Bên Điều phối với số lượng tối đa nêu ở Phần II. Tuy nhiên, CCC có thể cung cấp số lượng hàng hóa ít hơn số lượng tối đa tại Phần II, trong trường hợp tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tính theo số lượng tối đa vượt hơn số tiền dự kiến nêu tại Phần II.

F. CCC và Bên điều phối sẽ thận trọng tối đa để đảm bảo rằng viện trợ hàng hóa nông nghiệp theo Hiệp định này sẽ không làm đảo lộn thị trường thông thường của Hoa Kỳ đối với loại hàng hóa này, hoặc phá giá thế giới hàng nông sản, hoặc ảnh hưởng tới khuôn khổ thương mại với các nước khác.

Để thực hiện quy định này, Bên Điều phối sẽ:

1. Thực hiện mọi biện pháp có thể làm để đảm bảo rằng tổng số lúa mì nhập khẩu theo đường thương mại từ Hoa Kỳ và các nước khác vào nước nhập khẩu được thanh toán theo đường mậu dịch ít nhất bằng số lượng hàng nông sản quy định tại bảng Thị trường Thông thường nêu tại Phần II, mục IV dưới đây, trong từng thời kỳ nhập khẩu quy định tại bảng này và trong từng thời kỳ có thể so sánh liên tiếp khi hàng hóa cung cấp theo Hiệp định này đang được giao nhận;

2. Thực hiện mọi biện pháp có thể nhằm ngăn ngừa việc bán lại, chuyển tiếp hoặc tái xuất tới các nước khác, hoặc sử dụng cho các mục đích khác số hàng hóa viện trợ theo Hiệp định này ngoài mục đích sử dụng trong nước (ngoại trừ trường hợp bán lại, chuyển tiếp, tái xuất hoặc sử dụng cụ thể được CCC chấp thuận); và

3. Thực hiện mọi biện pháp có thể nhằm ngăn ngừa việc xuất khẩu bất kỳ hàng hóa nào có xuất xứ trong nước hoặc nước ngoài, như quy định tại Phần II, mục V, đoạn B, trong thời gian hạn chế xuất khẩu nêu tại Phần II, mục V, đoạn A (ngoại trừ trường hợp cụ thể được quy định tại phần II hoặc trong trường hợp việc xuất khẩu đó được CCC chấp thuận).

G. Hiệp định này tùy thuộc vào tính sẵn có của loại hàng hóa được cung cấp trong năm tài chính Hiệp định được thực hiện.

## Phần II. CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

### Mục I HÀNG HÓA

A. Hàng hóa sẽ được cung cấp theo Hiệp định này như sau:

Hàng hóa	Thời gian cung cấp (Năm tài chính Hoa Kỳ)	Số lượng tối đa (tấn)	Trị giá dự kiến (triệu USD)
Lúa mỳ	2004	24.000	4,0
Dự toán chi phí vận chuyển			2,0
Tổng trị xuất khẩu dự kiến			6,0

Số lượng tối đa nói trên không thể vượt quá.

B. Quy cách phẩm chất hàng hóa do CCC cung cấp được quy định tại Phụ lục B đính kèm và là một phần của Hiệp định này.

## Mục II

### THANH TOÁN CÁC CHI PHÍ

Việc thanh toán mọi chi phí liên quan đến chế biến, đóng gói, vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác phát sinh trong quá trình phân phối hàng hóa sẽ được phân bổ như sau:

A. CCC đồng ý viện trợ hàng hóa miễn phí và thanh toán các chi phí dưới đây sau khi giao hàng cho Bên Điều phối: cước phí vận chuyển đường biển tới cảng dỡ hàng được chỉ định.

B. Bên Điều phối đồng ý thu xếp việc chuyên chở bằng đường biển, vận chuyển nội địa, bốc dỡ, lưu kho và phân phối hàng hóa tại Việt Nam.

### III. TỔN THẤT VÀ HƯ HỎNG CỦA NGƯỜI VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BIỂN

A. Các điều khoản 7 C. F. R. Chương 1499.15(d), Tổn thất và hư hỏng của Người vận chuyển đường biển, sẽ không được áp dụng đối với vận chuyển đường biển với bất cứ hàng hóa nào được bán theo Hiệp định này nếu Bên Điều phối thông báo cho CCC trước khi giao hàng cho Bên Điều phối rằng: (1) các hàng hóa đã được bán trên cơ sở thanh toán theo số lượng ghi trên vận đơn, hoặc (2) Bên điều phối là người mua bảo hiểm tổn thất và hư hỏng hàng hóa vận chuyển đường biển (bao gồm cả các tổn thất chung) ít nhất với giá trị hàng hóa cập bến.

B. Theo điều khoản 7 C. F. R. Chương 1499.15(d), Mất mát và tổn thất của Người vận chuyển đường biển, áp dụng đối với vận chuyển đường biển các hàng hóa cung cấp theo Hiệp định này, CCC sẽ trả tiền thuê một Giám định hàng hóa độc lập để chứng kiến việc bốc dỡ hàng hóa và lập Báo cáo nhận xét. Trừ phi CCC quyết định khác đi, Bên Điều phối

sẽ thu xếp một Giám định hàng hóa độc lập phù hợp với quy định tại 7 C. F. R. Chương 1499.15(c).

*Mục IV*  
**BẢNG THỊ TRƯỜNG  
THÔNG THƯỜNG**

Hàng hóa	Thời kỳ nhập khẩu	Yêu cầu thị trường thông thường (tấn)
Lúa mì	2004	638.600

*Mục V*  
**HẠN CHẾ XUẤT KHẨU**

A. Thời kỳ hạn chế xuất khẩu sẽ là năm tài chính 2004 của Hoa Kỳ hoặc bất kỳ năm tài chính tiếp theo nào mà trong thời gian đó hàng hóa viện trợ theo Hiệp định này được nhập khẩu.

B. Theo yêu cầu tại Phần I, đoạn F(3), các mặt hàng có thể không được xuất khẩu bao gồm: lúa mì, bột mì, bột hòn, semolina, farina, bran hoặc bulgur (hoặc các sản phẩm cùng loại có tên gọi khác).

*Mục VI*  
**BÁO CÁO**

A. Sáu tháng một lần Bên Điều phối sẽ phải đệ trình các báo cáo hậu cần (mẫu CCC-620) theo yêu cầu của mục 7 C.F.R, Chương 1499.16 (c) (1), và có thể cả báo cáo bán hàng (mẫu CCC-621) theo quy

định của mục 7 C.F.R, Chương 1499.16 (C) (2) như sau:

Đối với những hiệp định được ký trong thời gian từ 01/10 đến 31/3, (các) báo cáo đầu tiên phải được đệ trình trước ngày 16/5 kế tiếp và sẽ bao gồm toàn bộ thời kỳ từ khi ký Hiệp định cho đến ngày 31/3. Đối với những hiệp định được ký trong thời gian từ 01/4 đến 30/9, (các) báo cáo đầu tiên phải được đệ trình trước ngày 16/11 của năm đó và sẽ bao gồm toàn bộ thời kỳ từ khi ký hiệp định cho đến ngày 30/9.

Các báo cáo hậu cần tiếp theo sẽ được lập sáu (6) tháng một lần cho tới khi tất cả hàng hóa được bán hoặc phân phối hết. Các báo cáo bán hàng, nếu được yêu cầu, cần lập sáu (6) tháng một lần cho tới khi toàn bộ số tiền bán hàng theo Hiệp định này được giải ngân hết.

B. Bên Điều phối sẽ trình báo cáo về thời gian cung cấp quy định tại Phần II, mục I, bao gồm: các số liệu thống kê về hàng nhập khẩu của nước xuất xứ đáp ứng Yêu cầu Thị trường Thông thường nêu tại phần II, mục IV; một báo cáo về các biện pháp thực hiện các quy định của phần I, đoạn F (2) và (3); số liệu thống kê về xuất khẩu các hàng hóa tương tự hoặc giống với hàng hóa được nhập khẩu theo Hiệp định này của nước nhận viện trợ, như quy định tại phần II, mục V.

C. Các báo cáo cho CCC theo Hiệp định này sẽ được lập và gửi cho Giám đốc Bộ phận Chương trình, FAS/USDA, 1400

Independence Avenue, S.W., Stop 1034,  
Washington, D.C. 20250 - 1034.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Phần III. CÁC ĐIỀU KHOẢN  
CUỐI CÙNG**

Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau khi ký.

Để làm bằng, đại diện các bên được ủy quyền hợp pháp đã ký bản Hiệp định này.

Hiệp định được làm thành hai bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự diễn giải khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được lấy làm chuẩn.

**Họ tên: Nguyễn Sinh Hùng**  
Chức danh: BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH  
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM  
Ngày 23/8/2004

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ  
HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

**Họ tên: W. Kirk Miller**  
Chức danh: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ  
CHỦ TỊCH CƠ QUAN TÍN DỤNG  
HÀNG HÓA  
Ngày: 23/8/2004

**Phụ lục A**

**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HIỆP ĐỊNH LƯƠNG THỰC VÌ SỰ TIẾN BỘ  
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**1. Tên và địa chỉ Người đề nghị viện trợ:**

Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  
Vụ Tài chính đối ngoại  
Số 8 phố Phan Huy Chú  
Hà Nội, Việt Nam.

**2. Nước nhận viện trợ: Việt Nam**

**3 và 4. Chứng loại và số lượng hàng hóa yêu cầu và lịch giao hàng:**

Hàng hóa	Sử dụng hàng hóa	Số lượng (tấn)	Loại bao bì	Giao tại cảng Hoa Kỳ
Lúa mỳ	Bán thu tiền	24.000	Hàng rời	tháng 9/10. 2004

Xuân đỏ cứng/

Chủng xuân miền Bắc đen

## 5. Mô tả chương trình:

### (a) Mục tiêu hoạt động:

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ sử dụng số tiền thu được từ bán lúa mì viện trợ để cấp phát đầu tư hạ tầng nông thôn, sản xuất nông nghiệp, tái định cư, trồng lại rừng ở các vùng miền núi của Việt Nam. Các dự án sẽ khuyến khích phát triển xã hội và nhận thức môi trường tại các vùng nông thôn nghèo của Việt Nam. Mục đích là nâng cao tiếp cận hạ tầng xã hội (hệ thống y tế, trường học, điện, nước. vv...), nâng cao kỹ thuật nông nghiệp, chuẩn bị và tăng cường nhận thức về hiểm họa thiên nhiên và môi trường.

### (b) Phương thức lựa chọn Người thụ hưởng:

Bộ Tài chính và Văn phòng Nông nghiệp thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ sẽ cùng căn cứ vào tiêu chuẩn cụ thể để xác định các vùng, cộng đồng, cơ quan hoặc cá nhân hưởng lợi phù hợp đối với mỗi dự án được đề nghị. Các tiêu chí cơ bản xem xét sẽ bao hàm đánh giá về kinh tế và nhu cầu lương thực của những người được hưởng lợi và mức dự kiến về khả năng của Chính phủ sử dụng tiền viện trợ để tiếp tục các hoạt động tại khu vực.

### (c) Quản lý chương trình:

Chính phủ Việt Nam sẽ được đại diện bởi Vụ Tài chính Đối ngoại của Bộ Tài chính (EFD) sẽ thực hiện chức năng là Cơ

quan bán hàng đồng thời là Cơ quan quản lý Chương trình. Vụ Tài chính Đối ngoại của Bộ Tài chính có trách nhiệm giải ngân khoản tiền bán hàng cho các dự án cụ thể nêu trong Hiệp định này, giám sát các hoạt động dự án và tác động của chương trình, bán hàng viện trợ và gửi các báo cáo bán hàng và hậu cần theo yêu cầu cho Cơ quan tín dụng hàng hóa (CCC). Văn phòng Nông nghiệp Hoa Kỳ sẽ xác nhận tính phù hợp của các dự án với nội dung của Hiệp định này, và nếu có thể, trước khi giải ngân cho dự án. Vụ Tài chính đối ngoại sẽ trao đổi với Văn phòng Nông nghiệp để đảm bảo rằng các báo cáo được gửi là phù hợp yêu cầu của CCC.

### (d) Ngân sách hoạt động:

Tất cả các chi phí khác của chương trình không được thanh toán từ nguồn vốn của CCC sẽ do Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thanh toán.

### (e) Cơ quan tiếp nhận:

Không có các cơ quan tiếp nhận.

### (f) Các cơ quan Chính phủ và tổ chức phi chính phủ:

Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan khác bao gồm:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Y tế;
- Bộ Thương mại;

- Bộ Ngoại giao;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Washington, D.C, Mỹ; và,
- Các UBND tỉnh, xã trong vùng nhận trợ giúp;

*(g) Nhận thức cho người tiêu dùng*

Bộ Tài chính sẽ tuyên truyền chương trình này thông qua báo chí, quảng cáo, để công chúng nhận thức việc Hoa Kỳ trợ giúp mang tính chất nhân đạo.

*(h) Tiêu thức đánh giá sự thành công:*

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ sử dụng cách thức tương tự để đánh giá các dự án được lựa chọn như cách thức mà các nhà tài trợ quốc tế khác như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á áp dụng.

Chính phủ sẽ cố gắng giải ngân xong tiền bán hàng viện trợ trong vòng 3 năm kể từ khi nhận được hàng hóa.

**6. Sử dụng tiền cho các hàng hóa và dịch vụ phát sinh**

*(a) Số lượng và Chứng loại hàng hóa*

Hàng hóa Khối lượng bán

Lúa mì 24.000 tấn

*(b) Tác động của việc bán hàng hóa đến sản xuất và thương mại trong nước:*

Việc bán lúa mì sẽ không ảnh hưởng tới bất cứ việc bán bất cứ sản phẩm tương tự nào xuất khẩu đến Việt Nam

hoặc bán hàng trong nội địa Việt Nam. Việt Nam tiêu thụ khoảng 850.000 - 950.000 tấn lúa mì mỗi năm và không sản xuất ra lúa mì có tính thương mại. Lượng nhập khẩu lúa mì hàng năm là 855.105 tấn năm 2002 và 917.379 tấn năm 2003. Việc bán 24.000 tấn lúa mì này là dưới 3% tổng mức tiêu thụ. Việt Nam thiếu nguồn tài chính để nhập khẩu theo đường thương mại mọi nhu cầu về lương thực.

*(c) Ước tính số tiền bán hàng:*

Hàng hóa	Khối lượng	Giá ước tính trên tấn	Tổng số tiền ước tính
Lúa mì	24.000 tấn	USD 167	USD 4.008.000

*(d) Tham gia của khu vực tư nhân vào việc bán hàng hóa:*

Chính phủ, thông qua Vụ Tài chính Đối ngoại của Bộ Tài chính, sẽ đảm bảo rằng tất cả các người mua lúa mì được tham gia vào việc mua lúa mì viện trợ theo Hiệp định này. Vụ Tài chính Đối ngoại sẽ thông báo đấu giá cho tất cả các nhà máy xay, các nhà nhập khẩu lúa mì, và những thương nhân ít nhất là bốn tuần lễ trước khi đấu giá. Các nhà máy xay lúa mì gặp khó khăn trong vốn ngoại tệ có thể đấu giá giao dịch này vì đấu giá sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Vụ Tài chính Đối ngoại cũng sẽ thông báo cho Văn phòng Tùy viên



Nông nghiệp Hoa Kỳ và cho phép Văn phòng Nông nghiệp Hoa Kỳ theo dõi quá trình bán hàng.

*(e) Sử dụng tiền bán hàng:*

Bộ Tài chính tiến hành xác định các lĩnh vực phát triển và các loại dự án, hoạt động được tài trợ theo Hiệp định như sau:

-- Đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở nông thôn (để xây mới hoặc khôi phục lại đường nông thôn, trường tiểu học, trạm y tế, hệ thống phân phối điện và hệ thống cấp nước); (khoảng 30% số tiền dự kiến thu bán hàng viện trợ).

• Phần lớn nhất của quỹ viện trợ được phân bổ cho việc xây dựng các trường tiểu học và trạm y tế ở các vùng nông thôn. Vấn đề chính để cải thiện cuộc sống của trẻ em nông thôn là cung cấp cho các em cơ hội đến trường, và bảo đảm có các trạm y tế tại các xã và huyện.

-- Nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp (xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, phát triển đàn gia súc, trồng cây công nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu nông nghiệp); (khoảng 62% số tiền dự kiến thu bán hàng viện trợ được phân bổ cho 10 dự án)

• Xây dựng các hệ thống thủy lợi tại một số tỉnh. Rất nhiều tỉnh, đặc biệt là các tỉnh ven biển phía Nam là nghèo và chịu đựng sự giáp hạt. Dự án này sẽ xây dựng một số kênh để cung cấp hệ thống tưới nước nhỏ trong địa phương.

• Tiếp tục việc nghiên cứu phương pháp kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trên rau quả và thực hiện khảo sát về dư lượng hóa học trên lương thực thực phẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Do Việt Nam trở thành nhà sản xuất lớn về rau quả, nên cả người tiêu thụ trong nước và quốc tế đều yêu cầu có thêm thông tin về dư lượng hóa chất trong lương thực.

• Tiếp tục công việc phát triển ngành sữa đã bắt đầu từ các dự án thuộc FY-2000 và FY-2002. Hiện nay rất nhiều đàn bò chất lượng cao đã có tại Việt Nam, do vậy có nhiều đòi hỏi về công việc hoàn thiện về kỹ thuật chăn nuôi và quản lý đàn bò sữa. Bảo đảm thực hiện một dự án thử nghiệm về giám định ảnh hưởng bệnh sán gan của gia súc có ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Trong khoảng từ 40% đến 90% gia súc và trâu bò ở một vài vùng của Việt Nam được biết là có bệnh.

• Sử dụng 400.000 USD trong số tiền hàng viện trợ để tài trợ cho từ 10 đến 15 suất học bổng theo Chương trình học bổng Khoa học và Kỹ thuật quốc tế Norman E. Borlaug. Trong số tiền này, Bộ Tài chính dùng 175.000 USD để tài trợ học bổng thông qua IFAR, một cơ quan hoạt động không vì mục đích lợi nhuận gắn với Nhóm tư vấn của Học viện nông nghiệp quốc tế (CGIAR), đối với học bổng ngắn hạn (2 - 6 tháng) tại một cơ sở của Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp quốc tế (IARCs); 175.000

USD cho Bộ Nông nghiệp, để tài trợ học bổng toàn phần tại các học viện khác, bao gồm các trường đại học Hoa Kỳ, các quỹ ngành tư nhân, và các trung tâm nghiên cứu; và dùng 50.000 USD để tài trợ 2-3 học bổng Borlaug - Fulbright thông qua Học viện Giáo dục quốc tế thuộc Cơ quan quốc gia về Chương trình Fulbright cho Việt Nam. Các suất học bổng này sẽ dành cho các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ giảng dạy và các công chức luật pháp và chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp. Việc thực tập cũng không dành cho các sinh viên đang học hoặc mới tốt nghiệp (có các chương trình khác, như Quỹ Giáo dục Việt Nam, được dùng cho các hoạt động này). Chương trình học bổng Borlaug chỉ tập trung vào các chương trình nghiên cứu sau và được tiến hành một kèm một cùng với các nhà khoa học Hoa Kỳ trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, quản lý tài nguyên thiên nhiên, cũng như vấn đề chính sách, chuyển giao công nghệ, đào tạo giáo viên và soạn thảo tài liệu giảng dạy trong ngành khoa học này. Nguồn viện trợ sẽ dùng để thanh toán vé máy bay cho học viên tham gia học tại các trường đại học và trung tâm nghiên cứu, phụ cấp lưu trú, chi phí đào tạo và các phí tổn liên quan khác. Quá trình lựa chọn sẽ được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa Bên điều phối, một số Bộ hữu quan của Việt Nam và Văn phòng Nông nghiệp. Tuy kỹ năng tiếng Anh là một yêu cầu với các

học viên, nhưng nguồn tiền viện trợ không sử dụng để đào tạo tiếng Anh. Điều phối chương trình được thực hiện bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ - Phòng Nghiên cứu Hợp tác quốc tế và Phòng trao đổi khoa học (USDA/FAS). Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ và Bên Điều phối (hoặc cơ quan được ủy quyền) sẽ chuẩn bị một bản hiệp định riêng xác định đầy đủ cam kết mới này.

- Nghiên cứu sản xuất giống rau an toàn tại tỉnh Quảng Bình; tiếp tục việc nghiên cứu công nghệ sinh học trong việc sản xuất nấm (thực hiện với Viện di truyền nông nghiệp); tiếp tục nghiên cứu và phổ biến kết quả nghiên cứu trong chăn nuôi dê và thỏ ở quy mô hộ gia đình (thực hiện với Viện nghiên cứu dê và thỏ Ba Vì).

- + Chỗ ở tái định cư và các dự án trợ giúp khác (để xây dựng nhà cho người dân bị ảnh hưởng bởi bão và các thiên tai khác); (khoảng 8% số tiền dự kiến thu bán hàng viện trợ).

- Các dự án giảm nhẹ thiên tai (gồm cả nhà di dân tại các vùng thấp) tại các vùng thường chịu ảnh hưởng thiên tai.

- Sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo nhỏ để khởi động các dự án tại các tỉnh miền núi. Một số tiền viện trợ cũng có thể dùng cho các dự án trồng rừng.

Bộ Tài chính và Văn phòng Nông nghiệp, đại diện cho Cơ quan Tín dụng

hàng hóa (CCC), có thể thỏa thuận các điều chỉnh hoặc bổ sung các dự án khác phù hợp với các điểm 5(a) và 6(e) của Hiệp định. Các dự án được thực hiện tuân thủ hoàn toàn các quy định pháp luật của Việt Nam.

*(f) Thủ tục đảm bảo việc thu và gửi tiền bán hàng:*

Tiền thu được từ việc bán hàng hóa viện trợ theo Hiệp định này sẽ được gửi trực tiếp vào một tài khoản đặc biệt tại một tổ chức tài chính có danh tiếng tại Việt Nam, sau khi có sự nhất trí của Văn phòng Nông nghiệp.

Bộ Tài chính sẽ gửi tiền bán hàng hóa viện trợ vào tài khoản không chậm hơn 120 ngày kể từ ngày bắt đầu dỡ hàng tại Việt Nam.

**7. Phương thức phân phối:**

*(a) Mô tả quá trình vận chuyển và bảo quản:*

Cơ sở vật chất tại một trong hai cảng giao hàng chính (Cái Lân ở miền Bắc và Cảng Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh ở miền Nam) là phù hợp để dỡ hàng nhập khẩu 24.000 tấn lúa mỳ. Ngoài 2 cảng do nhà nước quản lý trên, còn có hai cảng tư nhân trên sông Thị Vải có thể đón các tàu cỡ Panmax. Tất cả những cảng này, nơi đã tiếp nhận trên 2 triệu tấn hàng rời mỗi năm, là các cảng hiện đại và được trang bị tốt. Cơ sở vật chất ở đây có một cầu cảng với chỗ neo đậu tàu có chiều dài

166 mét (Cái Lân) hay 15 cầu tàu (Sài Gòn) với tổng số chiều dài neo đậu tàu hơn 2.600 mét. Các cảng này có đủ độ dài neo đậu cho hầu hết các loại và cỡ tàu thương mại. Các trang thiết bị (như cần cẩu, tàu kéo hay hệ thống di chuyển) để dỡ hàng rời đã sẵn có. Cả hai cảng có thể thu xếp bốc dỡ cho tàu 24.000 tấn lúa mỳ trong một chuyến (mặc dầu các tàu có thể cần lũng hàng trước khi cập cầu cảng tùy thuộc vào cảng được chọn).

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ đảm nhận việc bảo quản và vận chuyển cần thiết các hàng hóa cung cấp theo Hiệp định này từ khi nhận hàng cho đến khi bán. Việt Nam có đủ kho chứa hàng phù hợp để tiếp nhận số lúa mỳ viện trợ này. Năng lực ở các cảng chính thay đổi từ 60.000 tấn ở kho phẳng đến 40.000 tấn trong hầm chứa.

*(b) Mô tả quá trình tái chế và / hoặc Bao gói lại:*

Không áp dụng.

*(c) Kế hoạch hậu cần:*

Vụ Tài chính Đối ngoại sẽ bán số lúa mỳ trước khi đến cảng Việt Nam. Các người mua hàng sẽ chịu trách nhiệm bốc hàng tại cảng và vận chuyển nội địa đến cơ sở xay sát hoặc kho chứa của mình. Chính phủ mong muốn rằng các hàng hóa viện trợ sẽ được xếp tàu chuyển thẳng tới Việt Nam và toàn bộ 24.000 tấn được giao trên một chuyến tàu. Có thể phải lũng hàng (tùy thuộc vào cỡ tàu và

các kích thước khác) trước khi tàu cập cầu tàu.

### 8. Nhập khẩu miễn thuế

Bộ Tài chính xác nhận rằng các hàng hóa viện trợ theo Hiệp định này sẽ được nhập khẩu miễn thuế, phí và lệ phí.

### 9. Tác động kinh tế

Việc bán lúa mì sẽ không ảnh hưởng

tới bất cứ việc bán bất cứ sản phẩm tương tự nào xuất khẩu vào Việt Nam hoặc bán hàng trong nội địa Việt Nam. Việt Nam tiêu thụ khoảng 850.000 - 915.000 tấn lúa mì mỗi năm và không sản xuất lúa mì thương mại. Lượng nhập khẩu lúa mì là 855.105 tấn năm 2002 và 917.379 tấn năm 2003. Việc bán 24.000 tấn lúa mì này là dưới 3% tổng số tiêu thụ.

## Phụ lục B

### THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA - LÚA MỖ

Loại Xuân đỏ cứng - Xuân miền Bắc đậm - 24.000 tấn

Loại	Xuân đỏ cứng
Nhóm	Xuân miền Bắc đậm
DHV (Dack Hard Vitreous)	tối thiểu 75
Phẩm cấp	Cấp 2 của Hoa Kỳ hoặc tốt hơn
Protein	tối thiểu 14% và không có lô dưới 13,8 %
Độ rơi	tối thiểu 300 và không có lô dưới 275
Độ ẩm	tối đa 13%
Độ lẫn hạt loại khác	tối đa 3%
Độ thiệt hại do nảy mầm	tối đa 0,5% với mỗi lô
Độ thiệt hại do nấm vảy	tối đa 1% với mỗi lô
Giám định trọng lượng	thấp nhất 59 lbs/bu
Tổng hư hỏng	tối đa 3,5% *

\* Bao gồm các hạt hỏng (tổng số), tạp chất, hạt lép và hạt vỡ  
Votomoxin - tối đa 2 phần triệu cho tất cả các loại  
Đóng gói Hàng rời.